TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 441/2018/HNGĐ-ST
Ngày 16/8/2018
Về "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ánh Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Quí Phượng

2. Ông Nguyễn Hoàng Sơn

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Quốc Thiên Hương - Cán bộ Tòa án nhân dân Quận 11.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 *tham gia phiên tòa*:

Bà Trương Võ Thùy Dung - Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai Vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 24/2018/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2018 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/6/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 51/2018/QĐST-HNGĐ ngày 25/7/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị H, sinh năm 1967; địa chỉ: đường H, Phường B, Quận MM, Thành phố Hồ Chí Minh; xin vắng mặt;

2. Bị đơn: Ông Phạm Văn T, sinh năm 1957; địa chỉ: đường H, Phường B, Quận MM, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, các biên bản hòa giải, nguyên đơn trình bày:

Bà Lê Thị H và ông Phạm Văn T tự tìm hiểu và tiến đến hôn nhân năm 1986, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ chồng chung sống có 03 con chung tên Phạm Thị Thu TT, sinh ngày 04/01/1989, Phạm Dương Kim N, sinh ngày 04/01/2000 đã thành niên và Phạm Dương Kim A, sinh ngày 01/4/2004.

Trong quá trình chung sống, bà H và ông T phát sinh nhiều mâu thuẫn về tình cảm nguyên nhân do tính tình và quan điểm sống không phù hợp, ông T không lo làm ăn, thường xuyên uống rượu say xỉn liên miên, không có trách nhiệm với vợ con; vợ chồng thường hay cãi vã, mọi kinh tế trong gia đình đều do một mình bà H gánh vác, bà H đã cho ông T cơ hội nhiều lần nhưng ông T không thay đổi, vợ chồng đã sống ly thân được 04 năm. Hiện nay, bà H cảm thấy không còn tình cảm

với ông T, cuộc sống hôn nhân không đạt vì vậy bà H đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phạm Văn T.

- Về con chung: 02 con chung tên Phạm Thị Thu TT, sinh ngày 04/01/1989 và Phạm Dương Kim N, sinh ngày 04/01/2000 đều đã thành niên, không yêu cầu Tòa án xem xét. Bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Phạm Dương Kim A, sinh ngày 01/4/2004, bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn:

Theo Phiếu yêu cầu xác minh ngày 01/02/2018 thì ông Phạm Văn T sinh năm 1957 hiện đang cư trú tại địa chỉ đường H, Phường B, Quận MM, Thành phố Hồ Chí Minh.

Toà án nhân dân Quận 11 đã thực hiện thủ tục tống đạt trực tiếp các văn bản tố tụng cho ông T nhưng ông T không đến Toà án giải quyết. Do đó, Toà án không thể tiến hành lấy lời khai, hoà giải đối với bị đơn được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 trình bày:

Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Nhận thấy, cuộc sống hôn nhân giữa bà Lê Thị H và ông Phạm Văn T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn,cả hai đã sống ly thân được 4 năm. Nay bà H yêu cầu được ly hôn với ông T để ổn định cuộc sống, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 yêu cầu của bà H có cơ sở chấp nhận. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị H; giao trẻ Phạm Dương Ánh Kim, sinh ngày 01/4/2004 cho bà H nuôi dưỡng, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung: Các bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe kiểm sát viên phát biểu ý kiến; Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Bà Lê Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Phạm Văn T; ông T hiện đang cư trú trên địa bàn Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Về tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Quận 11 đã tiến hành tống đạt, triệu tập hợp lệ ông Phạm Văn T tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 03/5/2018; tham gia phiên hòa giải ngày 23/5/2018; tham gia phiên tòa ngày 25/7/2018 và ngày 23/8/2018 nhưng ông T vắng mặt. Ngày 27/6/2018, bà H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, việc xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

3. Về yêu cầu của các đương sự:

- Về quan hệ hôn nhân:

Bà Lê Thị H và ông Phạm Văn T tự nguyện kết hôn vào năm 1986, có thực hiện việc đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân Phường 3, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 05, quyển số 01/86 ngày 10/01/1986. Quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông T là hợp pháp được pháp luật thừa nhận.

Bà H và ông T chung sống có 03 con chung tên Phạm Thị Thu TT, sinh ngày 04/01/1989, Phạm Dương Kim N, sinh ngày 04/01/2000 đã thành niên và Phạm Dương Kim A, sinh ngày 01/4/2004.

Mâu thuẫn giữa bà H và ông T phát sinh đã nhiều năm, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, hai người đã sống ly thân được 04 năm. Mâu thuẫn vợ chồng của bà H và ông T được chính quyền địa phương biết và xác nhận.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý, Thông báo phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho ông T. Ông T biết rõ nội dung khởi kiện và yêu cầu của bà H nhưng trong suốt quá trình Tòa án thụ lý đến phiên tòa hôm nay ông T cố tình không đến Tòa để giải quyết. Điều đó cho thấy ông T không có thiện chí muốn hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Qua sự việc đã nêu thể hiện tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông T đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H.

- Về con chung:

Phạm Thị Thu TT, sinh ngày 04/01/1989, Phạm Dương Kim N, sinh ngày 04/01/2000 đã thành niên; bà H yêu cầu được nuôi dưỡng trẻ Phạm Dương Kim A, sinh ngày 01/4/2004, bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Trẻ Ánh hiện sống chung với bà H và được bà H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Bà H có chỗ ở và công việc ổn định nên có đủ điều kiện để nuôi con; mặt khác trẻ Ánh cũng có nguyện vọng muốn ở với mẹ. Do đó, Hội đồng xét xử xét giao trẻ Phạm Dương Kim A cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho trẻ.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi trẻ Ánh, do đó Tòa án ghi nhận việc này.

Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi.

- Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Án phí về hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, bà H phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị H.

2. Bà Lê Thị H được ly hôn với ông Phạm Văn T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 05/86, quyển số 01/P.03 do Ủy ban nhân dân Phường 3, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10/01/1986 không còn giá trị.

3. Về con chung:

Phạm Thị Thu TT, sinh ngày 04/01/1989 và Phạm Dương Kim N, sinh ngày 04/01/2000 đều đã thành niên.

Bà Lê Thị H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Phạm Dương Kim A, sinh ngày 01/4/2004. Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi

4. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Bà Lê Thị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng do bà H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AG/2014/0004890 ngày 08/01/2018 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 11. Bà H đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

6. Các quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

7. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

8. Trong trường hợp quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 11;
- Chi cục THADS Quận 11;
- Các đương sự;
- UBND P.3, Q.11;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Ánh Loan